

BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
Kỳ báo cáo: 06 tháng năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU ĐỒNG PHÚ**
- Địa chỉ trụ sở chính: xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại: 02713 819 786; Fax: 02713 819 620
- Email: doruco.bpc@doruco.com.vn ; doruco.bpc@gmail.com
- Vốn điều lệ: 434.429.660.000 đồng
- Mã chứng khoán: **DPR**
- Mô hình quản trị Công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông.

| STT | Số Nghị quyết/Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|--------------------------|-----------|--|
| 01 | Số 66/NQ-ĐHĐCĐCSĐP | 27/6/2023 | Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023_Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (đính kèm) |

Nội dung Nghị quyết số 66 (đính kèm) như sau:

Điều 1: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1) như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 6:

1.1. Khoản 3 Điều 6 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.

1.2. Khoản 3 Điều 6 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Việc phát hành cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật. Các quyền

và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.

2. Sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 6:

2.1. Khoản 5 Điều 6 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [đính kèm phụ lục] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này”.

2.2. Khoản 5 Điều 6 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“Công ty không có cổ đông sáng lập”.

3. Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 46:

3.1. Khoản 6 Điều 46 trước khi sửa đổi, bổ sung:

“Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”

3.2. Khoản 6 Điều 46 sau khi sửa đổi, bổ sung:

“ Trích tối đa 30% lợi nhuận sau thuế vào quỹ đầu tư phát triển Công ty; Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”

Điều 2: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023.

Điều 4: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán “Tờ trình số 2”.

1. Thông qua BCTC tổng hợp năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện, ký ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2023; “đính kèm BCTC tổng hợp đã kiểm toán”).

Một số chỉ tiêu chính:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (VNĐ) |
|-----|--------------------------------------|--------------------------|
| I | Tổng tài sản đến 31/12/2022 | 2.341.012.637.249 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 848.271.414.320 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 1.492.741.222.929 |
| II | Tổng nguồn vốn đến 31/12/2022 | 2.341.012.637.249 |
| 1 | Nợ phải trả | 189.761.364.222 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 2.151.251.273.027 |
| III | Kết quả kinh doanh năm 2022 | |

| | | |
|-----|---|------------------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 853.917.311.223 |
| 1.1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 755.339.884.605 |
| 1.2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 48.092.181.662 |
| 1.3 | Doanh thu khác | 50.485.244.956 |
| 2 | Tổng chi phí | 603.045.399.572 |
| 3 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 250.871.911.651 |
| 4 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 46.238.602.853 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 204.633.308.798 |

2. Thông qua BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam thực hiện, ký ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2023; “đính kèm BCTC hợp nhất đã kiểm toán”).

Một số chỉ tiêu chính:

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền (VNĐ) |
|-----|---|--------------------------|
| I | Tổng tài sản đến 31/12/2022 | 4.164.860.326.412 |
| 1 | Tài sản ngắn hạn | 1.885.073.999.051 |
| 2 | Tài sản dài hạn | 2.279.786.327.361 |
| II | Tổng nguồn vốn đến 31/12/2022 | 4.164.860.326.412 |
| 1 | Nợ phải trả | 1.173.569.060.380 |
| 2 | Vốn chủ sở hữu | 2.991.291.266.032 |
| III | Kết quả kinh doanh năm 2022 | |
| 1 | Tổng doanh thu | 1.333.353.668.654 |
| 1.1 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 1.210.731.831.577 |
| 1.2 | Doanh thu hoạt động tài chính | 67.658.674.202 |
| 1.3 | Doanh thu khác | 54.963.162.875 |
| 2 | Tổng chi phí | 983.252.432.543 |
| 3 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 350.101.236.111 |
| 4 | Thuế thu nhập doanh nghiệp | 56.460.511.421 |
| 5 | Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 2.450.377.381 |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 291.190.347.309 |

Trong trường hợp Cơ quan Thuế hoặc Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có sự điều chỉnh chỉ tiêu liên quan đến việc xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính năm 2022, giao cho Hội đồng quản trị thực hiện rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu, báo cáo và đồng thời báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất theo đúng các quy định của pháp luật.

Điều 5: Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị lựa chọn 01 trong 03 đơn vị sau là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty:

- + Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam;
- + Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- + Công ty TNHH Kiểm toán BDO;

Điều 6: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 “Tờ trình số 4” như sau:

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Số tiền |
|-----|--|---------|
| 1 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2022 | 250.872 |
| 2 | Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2022 | 46.239 |
| 3 | Lợi nhuận còn lại sau thuế năm 2022 | 204.633 |
| 4 | Phân phối lợi nhuận trong năm 2022 | |
| | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 365.886 |
| | + Lợi nhuận sau thuế lũy kế cuối kỳ trước | 161.253 |
| | + Lợi nhuận sau thuế năm 2022 | 204.633 |
| | - Trích quỹ đầu tư phát triển 30%LNST | 61.389 |
| | - Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (02 tháng lương) | 32.762 |
| | - Trích quỹ khen thưởng người quản lý DN (01 tháng lương) | 301 |
| | - Chia cổ tức (30%VĐL) “Trường hợp khi Công ty tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1 trước khi chốt danh sách chia cổ tức thì tỷ lệ chia cổ tức là 15%/VĐL.” | 130.329 |
| 5 | Lợi nhuận còn lại: | 141.105 |

Giao cho Hội đồng quản trị chỉ đạo và triển khai thực hiện việc trích lập các Quỹ và chia cổ tức cho cổ đông theo các quy định hiện hành.

Điều 7: Thông qua Kế hoạch SXKD năm 2023 và phân phối lợi nhuận năm 2023 “tờ trình số 5”, trong đó:

a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023

| STT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch Năm 2023 |
|-----|--|-----|-------------------|
| 1 | Diện tích vườn cây cao su tự khai thác | Ha | 4.893,43 |
| 2 | Diện tích vườn cây KTCB | Ha | 2.430,95 |
| 3 | Diện tích vườn cây tái canh | Ha | 399,79 |
| 4 | Sản lượng cao su tự khai thác | tấn | 9.528 |

| | | | |
|----|-------------------------------------|----------------|---------|
| 5 | Sản lượng thu mua | tấn | 3.000 |
| 6 | Sản lượng chế biến | tấn | 13.500 |
| 7 | Sản lượng tiêu thụ | tấn | 13.000 |
| 8 | Năng suất bình quân | tấn/ha | 1,95 |
| 9 | Giá bán bình quân | trđ/tấn | 38,28 |
| 10 | Giá thành bình quân | trđ/tấn | 33,27 |
| 11 | Sản lượng gỗ phôi sản xuất trong kỳ | m ³ | 9.000 |
| 12 | Sản lượng gỗ phôi tiêu thụ trong kỳ | m ³ | 9.500 |
| 13 | Tổng doanh thu | Trđ | 819.656 |
| 13 | Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN | Trđ | 275.019 |
| 14 | Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN | Trđ | 220.015 |
| 15 | Vốn đầu tư XDCB & ĐTTC | Trđ | 314.440 |
| 16 | Thu nhập bình quân/người/tháng | Trđ | 8,0 |

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm 2023 (nếu có) phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo hiệu quả cao nhất cho Công ty và cổ đông.

b. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Tổng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ước đạt 220.015 triệu đồng, được phân phối như sau:

- + Trích Quỹ Đầu tư phát triển tối đa: 30% LNST
- + Trích Quỹ Khen thưởng Phúc lợi: tương đương 03 tháng lương thực trả
- + Chia cổ tức: tối thiểu 15%/mệnh giá (sau khi tăng vốn điều lệ, tỷ lệ tăng 1:1).
- + Trích Quỹ thưởng Người quản lý DN: tối đa 1,5 tháng lương thực hiện.

Điều 8: Thông qua báo cáo thù lao HĐQT&BKS năm 2022 và kế hoạch năm 2023 “tờ trình số 6”, trong đó:

1. Tổng thù lao và phụ cấp chi trả cho các Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2022 là 316.800.0000 đồng.

2. Tổng mức chi kế hoạch năm 2023: Tương đương mức thù lao của năm 2022, và mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty không chuyên trách được xác định trên cơ sở số lượng người quản lý công ty không chuyên trách, thời gian thực tế làm việc và mức thù lao tối đa bằng 20% mức tiền lương của người quản lý Công ty chuyên trách.

Điều 9: Thông qua tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (Tờ trình số 7).

Điều 10: Đại hội đồng cổ đông giao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triển khai việc thực hiện, kiểm tra, giám sát Nghị quyết theo chức trách nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các quy chế và văn bản pháp luật có liên quan.

II. Hoạt động của Hội đồng Quản trị

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)

| STT | Thành viên HĐQT | Chức vụ | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập | |
|-----|----------------------|-----------------|--|-----------------|
| | | | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
| 1 | Ông Mai Huỳnh Nhật | Chủ tịch HĐQT | 25/04/2017 | |
| 2 | Ông Hồ Cường | TV HĐQT | 27/4/2012 | |
| 3 | Bà Nguyễn Ngọc Thanh | TV HĐQT độc lập | 27/6/2022 | |
| 4 | Ông Phạm Phi Điều | TV HĐQT | 29/6/2021 | |
| 5 | Ông Huỳnh Trọng Thủy | TV HĐQT | 18/6/2020 | |

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

| STT | Thành viên HĐQT | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|---------------------|
| 1 | Ông Mai Huỳnh Nhật | 4/4 | 100% | |
| 2 | Ông Hồ Cường | 4/4 | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Ngọc Thanh | 4/4 | 100% | |
| 4 | Ông Phạm Phi Điều | 4/4 | 100% | |
| 5 | Ông Huỳnh Trọng Thủy | 4/4 | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Hàng tháng và quý, các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty được báo cáo về tiến độ sản xuất kinh doanh và kế hoạch thực hiện tiếp theo do Tổng Giám đốc trình bày.

Hoạt động giám sát được các thành viên HĐQT thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT (nếu có): không có

5. Các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị:

| STT | Số Nghị quyết; Tỷ lệ thông qua | Ngày/ tháng/ năm; | Nội dung |
|-----|-----------------------------------|-------------------------|---|
| 1 | Số 03/NQ- HĐQTCSDP Đạt 100% | 16/01/2023 | <p>Thống nhất việc thanh lý 241,30 ha cây cao su thanh lý để chuẩn bị cho tái canh năm 2023 và gởi vụ năm 2024 như sau:</p> <p>I. Tổng diện tích, số cây cao su thanh lý, giá trị:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tổng diện tích thanh lý: 241,30 ha- Tổng số cây thanh lý: 106.920 cây (trong đó, có 773 cây cụt đọt)- Tổng giá trị không thấp hơn: 83.364.442.900 đồng (Tám mươi ba tỷ, ba trăm sáu mươi bốn triệu, bốn trăm bốn mươi hai ngàn, chín trăm đồng) |

| | | | |
|---|-------------------------------|------------|---|
| | | | <p>II. Phương thức bán:</p> <p>1. Bán đấu giá công khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích bán đấu giá: 118,29 ha (chiếm 49% tổng diện tích) - Tổng giá trị không thấp hơn: 40.548.125.338 đồng (<i>Bốn mươi tỷ, năm trăm bốn mươi tám triệu, một trăm hai mươi lăm ngàn, ba trăm ba mươi ba đồng</i>). <p>2. Công ty tự thực hiện theo phương thức: giao cho Chi nhánh chế biến gỗ Đồng Phú: 123,01 ha (chiếm 51% tổng diện tích).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích giao Chi nhánh chế biến gỗ Đồng Phú: 123,01 ha - Tổng giá trị không thấp hơn: 42.816.317.562 đồng (<i>Bốn mươi hai tỷ, tám trăm mười sáu triệu, ba trăm mười bảy ngàn, năm trăm sáu mươi hai đồng</i>) <p>(Có bảng chi tiết số lô, diện tích, số cây, giá trị kèm theo tại tờ trình số 31/TTr-CSDP ngày 11/01/2023 nêu trên)</p> <p>Các quy định khác thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn 41/CSVN-KHĐT ngày 10/01/2023 của Tập đoàn.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> |
| 2 | Số 11/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 21/02/2023 | <p>Điều 1. Thống nhất cử lại ông Huỳnh Trọng Thủy – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (Công ty), đại diện toàn bộ phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Cao su Sa Thầy (Công ty Sa Thầy), ứng cử tham gia Hội đồng quản trị Công ty Sa Thầy nhiệm kỳ 2023 – 2028.</p> <p>Tỷ lệ tán thành 5/5 thành viên (đạt 100%)</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> |
| 3 | Số 17/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 28/02/2023 | <p>Thống nhất về xử lý việc thanh lý 4,9424ha cây cao su trên diện tích địa phương thu hồi đất như sau:</p> <p>1. Tài sản thanh lý đến ngày 11/01/2023:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 4,9424 ha - Nguyên giá: 355.460.298 đồng - Đã khấu hao: 74.078.265 đồng - Giá trị còn lại: 281.382.033 đồng - Nguồn vốn: Điều lệ |

| | | | |
|---|-------------------------------|-----------|--|
| | | | <p>2. Giá trị bồi thường: Thực hiện theo Công văn số 04/HĐQTCSVN-KHĐT ngày 05 tháng 01 năm 2023 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.</p> <p>3. Giá trị thu hồi: Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.</p> <p>Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> |
| 4 | Số 31/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 27/3/2023 | <p>Điều 1.</p> <p>Theo Nghị quyết số 77, Nghị quyết số 73, Giấy chứng nhận số 05 và Công văn số 1086 nêu trên.</p> <p>Hội đồng quản trị thống nhất tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú từ 430.000.000.000 đồng (<i>bốn trăm ba mươi tỷ đồng</i>) lên 434.429.660.000 đồng (<i>bốn trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm hai mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng</i>).</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> |
| 5 | Số 37/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 10/4/2023 | <p>Điều 1.</p> <p>Thống nhất giới thiệu nhân sự bổ nhiệm Kế toán trưởng đối với Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú:</p> <p>Nhân sự:</p> <p>Ông: Nguyễn Quốc Vinh</p> <p>Ngày, tháng, năm sinh: 15/9/1969</p> <p>Quê quán: Xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị</p> <p>Chức vụ: Phụ trách kế toán – Công ty Cổ phần Cao su Kỹ thuật Đồng Phú</p> <p>Ngày vào đảng: 02/6/1996; ngày chính thức: 02/6/1997</p> <p>Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Tài chính Kế toán</p> <p>Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp</p> <p>Ngoại ngữ: A (Anh văn).</p> <p><i>Tỷ lệ tán thành 5/5 thành viên (đạt 100%)</i></p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> |
| 6 | Số 38/NQ-HĐQTCSĐP | 12/4/2023 | <p>Điều 1. Thống nhất thông qua Điều lệ Công ty sau sáp nhập gồm 21 mục, 59 Điều (Điều lệ đính kèm).</p> |

| | | | |
|---|-------------------------------|-----------|--|
| | Đạt 100% | | Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. |
| 7 | Số 43/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 25/4/2023 | Điều 1. Thông nhất gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú năm 2023 trước ngày 30 tháng 6 năm 2023. Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký. |
| 8 | Số 52/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 09/5/2023 | Điều 1. 1. Thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2022: 1.1. Thông qua BCTC tổng hợp năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện ký ban hành ngày 16 tháng 3 năm 2023). 1.2. Thông qua BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán (do Công ty TNHH và Kiểm toán AFC Việt Nam – Chi nhánh phía Bắc thực hiện ký ban hành ngày 28 tháng 3 năm 2023). 2. Thông nhất thành lập NÔNG TRƯỜNG CAO SU ĐẮK NÔNG, trực thuộc Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú, sau khi Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông thu hồi giấy phép hoạt động kinh doanh của Công ty CP Cao su Đồng Phú Đắk Nông. 3. Thông nhất tiếp trình Tập đoàn việc trích các quỹ năm 2022 từ lợi nhuận chưa phân phối của Công ty Cổ phần cao su Đồng Phú Đắk Nông của Tổng giám đốc tại Tờ trình số 296/TTr-CSĐP ngày 3/5/2023 (đính kèm Tờ trình 296). 4. Thông qua số liệu kế hoạch SXKD và Tổng mức đầu tư năm 2023 của Công ty để trình Tập đoàn thỏa thuận trong nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty tại Tờ trình số 299/TTr-CSĐP ngày 4/5/2023 (đính kèm Tờ trình 299). 5. Thông nhất chủ trương đầu tư dự án: Nhà làm việc Công ty cổ phần cao su Đồng Phú tại Tờ trình số 301/TTr-CSĐP ngày 5/5/2023 (đính kèm Tờ trình số 301). 6. Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú như sau: 6.1. Bổ sung, sửa đổi Khoản 3 Điều 6: - Khoản 3 Điều 6 trước khi bổ sung, sửa đổi: “Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần |

| | | | |
|---|----------------------------|-----------|--|
| | | | <p><i>ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.</i></p> <p>- Khoản 3 Điều 6 sau khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Toàn bộ cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Việc phát hành cổ phần ưu đãi (nếu có) do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo từng thời kỳ và phải phù hợp với các quy định của pháp luật. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với từng loại cổ phần ưu đãi theo quy định của pháp luật. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này”.</i></p> <p>6.2. Bổ sung, sửa đổi Khoản 5 Điều 6:</p> <p>- Khoản 5 Điều 6 trước khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục [đính kèm phụ lục] đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này”.</i></p> <p>- Khoản 5 Điều 6 sau khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Công ty không có cổ đông sáng lập”.</i></p> <p>6.3. Bổ sung, Sửa đổi Khoản 6 Điều 46:</p> <p>- Khoản 6 Điều 46 trước khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”</i></p> <p>- Khoản 6 Điều 46 sau khi bổ sung, sửa đổi:</p> <p><i>“ Trích tối đa 30% vào quỹ đầu tư phát triển Công ty; Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật”</i></p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.</p> |
| 9 | Số 56/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 16/5/2023 | <p>Điều 1.</p> <p>Thống nhất chủ trương trình lãnh đạo Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam_Công ty Cổ phần (Tập đoàn) về bổ nhiệm lãnh đạo quản lý đối với Công ty CP Cao su Đồng Phú và Công ty CP Cao su Đồng Phú Kratie như sau:</p> |

| | | | |
|----|---|-----------|--|
| | | | <p>1. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú.</p> <p>2. Thống nhất chủ trương bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú Krate.</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> |
| 10 | <p>Số 57/NQ- HĐQTCSĐP</p> <p>Đạt 100%</p> | 17/5/2023 | <p>Điều 1. Để tạo điều kiện thuận lợi và chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua việc ký kết hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các bên có liên quan với nội dung chính như sau:</p> <p>Các bên có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam – Công ty cổ phần “Tập đoàn”; - Các đơn vị cùng chung Tập đoàn; - Các Công ty con; - Các bên có vốn góp của Công ty. - <i>Các bên có liên quan khác theo quy định của pháp luật.</i> <p>Các nội dung hợp đồng, giao dịch được ký kết với các bên có liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn/mua cổ phần, chuyển nhượng vốn/chuyển nhượng cổ phần; - Các hợp đồng/giao dịch cho vay; - Các hợp đồng /giao dịch phục vụ sản xuất kinh doanh: Mua bán mủ cao su, mua bán cây cao su thanh lý, mua bán gỗ giống thấp cao su, gia công chế biến mủ cao su, cây cao su giống...; - Thu lợi nhuận, cổ tức được chia; - <i>Các hợp đồng/giao dịch khác theo quy định của pháp luật.</i> <p>Điều 2. Giao/ủy quyền Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú căn cứ điều lệ công ty và tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh triển khai thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu tại Điều 1 Nghị quyết này. Nội dung các hợp đồng, giao dịch liên quan nêu tại Điều 1 này sẽ được báo cáo đầy đủ vào Báo cáo tài chính định kỳ và công bố thông tin theo quy định.</p> <p>Điều 3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và các đơn vị/phòng, ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.</p> |

| | | | |
|----|-------------------------------|-----------|--|
| 11 | Số 62/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 06/6/2023 | <p>Điều 1. Thống nhất thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú bao gồm:</p> <p>Chương trình Đại hội; các Báo cáo của Hội đồng quản trị & Ban Kiểm soát; các Tờ trình; và một số vấn đề khác. “<i>Tài liệu Đại hội đính kèm</i>”.</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> |
| 12 | Số 64/NQ-HĐQTCSĐP Đạt 100% | 22/6/2023 | <p>Điều 1. Thống nhất thông qua tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú (<i>sau khi cập nhật, bổ sung</i>) bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1 Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (Tờ trình số 1) 2 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 3 Báo cáo hoạt động của BKS năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023 4 Thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2022 (Tờ trình số 2) 5 Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023 (Tờ trình số 3) 6 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 (Tờ trình số 4) 7 Kế hoạch SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2023 (Tờ trình số 5) 8 Báo cáo phụ cấp HĐQT&BKS năm 2022 và KH năm 2023 (Tờ trình số 6) 9 Tiếp tục thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ (TTr số 7) <p>Và một số vấn đề khác (<i>chương trình Đại hội, quy chế Đại hội...</i>).</p> <p>Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày ký.</p> |

III. Ban kiểm soát:

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bắt đầu là thành viên BKS | Trình độ chuyên môn |
|-----|----------------------|------------|--------------------------------|-------------------------------|
| 1 | Huỳnh Minh Tâm | Trưởng ban | 27/04/2012 | Cử nhân kinh tế |
| 2 | Trần Thị Thu Thủy | Thành viên | 18/6/2020 | Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng |
| 3 | Bà Nguyễn Minh Trang | Thành viên | 27/6/2022 | Thạc sỹ Tài chính Kế toán |

2. Cuộc họp của BKS:

| STT | Thành viên BKS | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|---------------------|-------------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Huỳnh Minh Tâm | 2/2 | 100% | 100% | |
| 2 | Trần Thị Thu Thủy | 2/2 | 100% | 100% | |
| 3 | Bà Nguyễn Minh Trang | 2/2 | 100% | 100% | |

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao trong công tác quản lý điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp, điều lệ công ty và nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

6 tháng đầu năm HĐQT đã tổ chức 2 phiên họp chính thức, và các phiên họp bằng hình thức lấy phiếu ý kiến; các thành viên HĐQT đều dự họp đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được ban hành đúng với chức năng, quyền hạn và phù hợp Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, hoàn toàn tuân thủ điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác;

Các quyết định của Ban Tổng giám đốc được ban hành một cách hợp lệ, đúng thẩm quyền, đảm bảo quyền lợi của công ty và của cổ đông; không có bất kỳ xung đột lợi ích nào với những người có liên quan, Ban Kiểm soát cũng không phát hiện điều gì bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động quản trị và điều hành thông qua việc tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT định kỳ, đột xuất và các cuộc họp giao ban của công ty, thông qua việc kiểm tra giám sát tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh của công ty quý I, 6 tháng, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2023. Ban Kiểm soát đã nhận được sự hỗ trợ của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc qua trao đổi các vấn đề phát sinh hàng ngày; theo đó, Ban Kiểm soát kịp thời nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc ra quyết định và thực hiện các mục tiêu được ĐHCĐ phê duyệt.

5. Hoạt động khác của BKS (nếu có): (không)

IV. Ban điều hành:

| STT | Thành viên ban điều hành | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm thành viên điều hành |
|-----|--------------------------|---------------------|---------------------|---|
| 1 | Ông Hồ Cường | 27/01/1966 | Kỹ sư Nông học | 01/01/2017 |
| 2 | Ông Huỳnh Trọng Thủy | 19/4/1968 | Kỹ sư Nông học | 04/5/2017 |
| 3 | Ông Lưu Minh Tuyên | 21/3/1971 | Kỹ sư Nông học | 11/6/2019 |

V. Kế toán trưởng

| | | | |
|---------------|---------------------|---------------------|--------------------------|
| Họ và tên | Ngày tháng năm sinh | Trình độ chuyên môn | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
| Phạm Ngọc Huy | 03/8/1971 | Cử nhân kế toán | 01/10/2014 |

VI. Đào tạo về quản trị Công ty: không

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng và giao dịch của người có liên quan của Công ty với chính Công ty.

1. Danh sách người có liên quan của Công ty: (Phụ lục 01 đính kèm)
2. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có.
3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có
4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

| STT | Bên liên quan | Nghiệp vụ | Số tiền (đồng) |
|-----|---|--|----------------|
| 1 | Công ty CP Khu Công nghiệp Bắc Đồng Phú | Thu tiền bán nước sinh hoạt | 1.043.579.061 |
| 2 | Công Cổ phần Cao su Kỹ Thuật Đồng Phú | Thu tiền bán mù cao su, bán nước sinh hoạt | 40.353.600 |

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ: Không có.

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT TP HCM;
- Lưu: Website_DPR, lưu VT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Mai Huỳnh Nhật

MẪU CUNG CẤP DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

| | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ | Số Giấy NSH* | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|----------|--|---|--------------|----------|---------|---------------------------------------|---|---------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 1 | | Chủ tịch HĐQT | | | | | 01/11/2015 | | | |
| 1.1 | không | (vợ) | | | | | nt | | | |
| 1.2 | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 1.3 | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 1.4 | không | em | | | | | nt | | | |
| 1.5 | không | Con rể | | | | | nt | | | |
| 1.6 | không | Em rể | | | | | nt | | | |
| 2 | | TV HĐQT, TGD | | | | | 25/07/2012 | | | |
| 2.1 | không | (vợ) | | | | | nt | | | |
| 2.2 | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 2.3 | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 2.4 | không | Con rể | | | | | nt | | | |
| 2.5 | không | Con rể | | | | | nt | | | |
| 3 | | TV HĐQT, Phó TGD | | | | | 04/05/2017 | | | |
| 3.1 | không | (Mẹ) | | | | | nt | | | |
| 3.2 | không | (Vợ) | | | | | nt | | | |
| 3.3 | không | NV. Phòng KTTN | | | | | nt | | | |
| 3.4 | không | (Con) | | | | | nt | | | |
| 3.5 | không | (Con) | | | | | nt | | | |
| 3.6 | không | (Anh) | | | | | nt | | | |
| 3.7 | không | (Em) | | | | | nt | | | |
| 3.8 | không | (Em) | | | | | nt | | | |
| 3.9 | không | (Em) | | | | | nt | | | |
| 3.10 | không | (Em) | | | | | nt | | | |
| 3.11 | không | Bố vợ | | | | | nt | | | |
| 3.12 | không | Mẹ vợ | | | | | nt | | | |
| 3.13 | không | Con dâu | | | | | nt | | | |
| 3.14 | không | Em dâu | | | | | nt | | | |
| 3.15 | không | Em rể | | | | | nt | | | |
| 3.16 | không | Em dâu | | | | | nt | | | |
| 3.17 | không | Em dâu | | | | | nt | | | |
| 4 | | TV HĐQT | | | | | 29/6/2021 | | | |
| 4.1 | không | (vợ) | | | | | nt | | | |
| 4.2 | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 4.3 | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 4.4 | không | (chi) | | | | | nt | | | |
| 4.5 | không | (chi) | | | | | nt | | | |
| 4.6 | không | (Anh) | | | | | nt | | | |
| 4.7 | không | (chi) | | | | | nt | | | |
| 4.8 | không | (Anh) | | | | | nt | | | |
| 4.9 | không | (chi) | | | | | nt | | | |
| 4.10 | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 4.11 | không | (em) | | | | | nt | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ | Số Giấy NSH* | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|------|--------------------------|--|---|--------------|----------|---------|---------------------------------------|---|---------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 5 | Nguyễn Ngọc Thanh | | TV HĐQT độc lập | | | | | 27/06/2022 | | | |
| 5.1 | Bùi Văn Hưng | không | (chồng) | | | | | nt | | | |
| 5.2 | Bùi Quang Thái Bảo | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 5.3 | Nguyễn Văn Hòa | không | (Anh trai) | | | | | nt | | | |
| 5.4 | Bùi Thị Sơn | không | (chị chồng) | | | | | nt | | | |
| 5.5 | Bùi Văn Nhân | không | (em chồng) | | | | | nt | | | |
| 6 | Huỳnh Minh Tâm | | Trưởng Ban Kiểm soát | | | | | 27/04/2012 | | | |
| 6.1 | Nguyễn Thị Thanh | không | (vợ) | | | | | nt | | | |
| 6.2 | Huỳnh Hương Quỳnh | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 6.3 | Huỳnh Minh Quân | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 6.4 | Huỳnh Hương Nguyễn | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 6.5 | Huỳnh Minh Thành | không | (Bố) | | | | | nt | | | |
| 6.6 | Huỳnh Thị Diệu Phương | không | (chị) | | | | | nt | | | |
| 6.7 | Huỳnh Minh Dũng | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 6.8 | Huỳnh Minh Hùng | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 6.9 | Huỳnh Thị Thủy Liên | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 6.10 | Huỳnh Minh Trung | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 6.11 | Huỳnh Thị Diệu Hiền | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 6.12 | Huỳnh Thị Diệu Hiền | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 6.13 | Phan Công Dương | không | anh rể | | | | | nt | | | |
| 6.14 | Nguyễn Thị Thạch | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 6.15 | Nguyễn Thị Thanh Trà | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 7 | Trần Thị Thu Thủy | | TV Ban Kiểm soát | | | | | 18/06/2020 | | | |
| 7.1 | Hoàng Đình Huy | không | (chồng) | | | | | nt | | | |
| 7.2 | Hoàng Đình Phi Hải | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 7.3 | Hoàng Thị Hải Yến | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 7.4 | Trần Thị Hồng Hạnh | không | Chị | | | | | nt | | | |
| 7.5 | Trần Đức Phước Long | không | Anh | | | | | nt | | | |
| 7.6 | Trần Thị Hồng Loan | không | Em | | | | | nt | | | |
| 7.7 | Trần Huy Cường | không | Em | | | | | nt | | | |
| 7.8 | Nguyễn Thành Dũng | không | Anh rể | | | | | nt | | | |
| 7.9 | Phạm Tấn Tài | không | Em rể | | | | | nt | | | |
| 7.10 | Nguyễn Thị Ngọc Thanh | không | Em dâu | | | | | nt | | | |
| 7.11 | Nguyễn Thị Bích | không | Em dâu | | | | | nt | | | |
| 8 | Nguyễn Minh Trang | | TV Ban Kiểm soát | | | | | 27/06/2022 | | | |
| 8.1 | Nguyễn Tư Phát | không | Ba | | | | | nt | | | |
| 8.2 | Lý Nga | không | Mẹ | | | | | nt | | | |
| 8.3 | Nguyễn Thiện Hoàng | không | Chồng | | | | | nt | | | |
| 8.4 | Nguyễn Bảo Ngọc | không | Con gái | | | | | nt | | | |
| 8.5 | Nguyễn Hoàng Tuấn | không | Con trai | | | | | nt | | | |
| 8.6 | Nguyễn Minh Vi | không | Chị ruột | | | | | nt | | | |
| 8.7 | Phạm Thanh Hòa | không | Anh rể | | | | | nt | | | |
| 8.8 | Nguyễn Minh Hoàng | không | Em ruột | | | | | nt | | | |
| 8.9 | Nguyễn Minh Phước | không | Em rể | | | | | nt | | | |
| 8.10 | Nguyễn Văn Cán | không | Ba chồng | | | | | nt | | | |
| 8.11 | Huỳnh Kim Anh | không | Mẹ chồng | | | | | nt | | | |
| 8.12 | Nguyễn Thủy Trang | không | Chị chồng | | | | | nt | | | |
| 8.13 | Nguyễn Anh Huy | không | Anh chồng | | | | | nt | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ | Số Giấy NSH* | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|-------|-----------------------|--|---|--------------|----------|---------|---------------------------------------|---|---------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 9 | Lưu Minh Tuyền | không | Phó TGĐ | | | | | 16/06/2019 | | | |
| 9.1 | Đỗ Thị Thanh Nga | không | (vợ) | | | | | nt | | | |
| 9.2 | Lưu Đỗ Minh Nhất | không | (con) | | | | | nt | | | học sinh |
| 9.3 | Lưu Đỗ Mai Phương | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 9.4 | Lưu Quang Thế | không | (Bố) | | | | | nt | | | |
| 9.5 | Trần Thị Nhiệm | không | (Mẹ) | | | | | nt | | | |
| 9.6 | Lưu Minh Anh | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.7 | Hoàng Thị Minh Tinh | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 9.8 | Lưu Thị Thắm | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.9 | Lưu Văn Tú | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.10 | Vũ Hồng Giang | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 9.11 | Lưu Thị Thành | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.12 | Lò Tiến Hoàn | không | em rể | | | | | nt | | | |
| 9.13 | Lưu Trọng Quỳnh | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.14 | Lưu Minh Nguyên | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.15 | Trịnh Thị Hồng | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 9.16 | Lưu Thị Oanh | không | em | | | | | nt | | | |
| 9.17 | Nguyễn Quốc Tường | không | em rể | | | | | nt | | | |
| 10 | Phạm Ngọc Huy | không | Kế toán trưởng | | | | | 01/10/2014 | | | |
| 10.1 | Châu Nguyễn Cẩm Hà | không | (vợ) | | | | | nt | | | |
| 10.2 | Phạm Huy Phú | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 10.3 | Phạm Ngọc Long | không | (anh) | | | | | nt | | | |
| 10.4 | Phạm Thị Bích Ngọc | không | (chị) | | | | | nt | | | |
| 10.5 | Phạm Thị Ngọc Diệp | không | (chị) | | | | | nt | | | |
| 10.6 | Phạm Ngọc Hương | không | (anh) | | | | | nt | | | |
| 10.7 | Phạm Ngọc Hiền | không | (anh) | | | | | nt | | | |
| 10.8 | Phạm Ngọc Hoàng | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 10.9 | Châu Châu | không | Cha vợ | | | | | nt | | | |
| 10.10 | Nguyễn Thị Minh Thuận | không | Mẹ vợ | | | | | nt | | | |
| 10.11 | Nguyễn Mạnh Hải | không | Anh rể | | | | | nt | | | |
| 10.12 | Trần Thị Chiến | không | Chị dâu | | | | | nt | | | |
| 10.13 | Đoàn Thị Lâm Diệp | không | Chị dâu | | | | | nt | | | |
| 10.14 | Đỗ Thị Lê | không | Em dâu | | | | | nt | | | |
| 11 | Phan Văn Hà | không | CBTT_PTQT | | | | | 24/04/2015 | | | |
| 11.1 | Trần Thị Nguyễn | không | (vợ) | | | | | nt | | | học sinh |
| 11.2 | Phan Tuấn Anh | không | (con) | | | | | nt | | | |
| 11.3 | Phan Thị Luyến | không | (chị) | | | | | nt | | | |
| 11.4 | Phan Văn Quyết | không | (anh) | | | | | nt | | | |
| 11.5 | Phan Thị Tâm | không | (chị) | | | | | nt | | | |
| 11.6 | Phan Văn Phúc | không | (anh) | | | | | nt | | | |
| 11.7 | Phan Thị Hoa | không | (chị) | | | | | nt | | | |
| 11.8 | Phan Văn Hưng | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 11.9 | Phan Văn Hạnh | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 11.10 | Phan Thị Hương | không | (em) | | | | | nt | | | |
| 11.11 | Trần Thanh Hiền | không | Bố vợ | | | | | nt | | | |
| 11.12 | Phan Thị Thơm | không | Mẹ vợ | | | | | nt | | | |
| 11.13 | Đặng Thị Diễm | không | chị dâu | | | | | nt | | | |
| 11.14 | Đình Thị Khi | không | chị dâu | | | | | nt | | | |
| 11.15 | Nguyễn Văn Giáo | không | anh rể | | | | | nt | | | |

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) | Chức vụ tại công ty (nếu có), mối liên hệ | Số Giấy NSH* | Ngày cấp | Nơi cấp | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan | Thời điểm không là người có liên quan | Lý do | Mối quan hệ liên quan với Công ty |
|-------|---------------------|--|---|--------------|----------|---------|---------------------------------------|---|---------------------------------------|-------|-----------------------------------|
| 11.16 | Trần Thị Ngân | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 11.17 | Lê Thị Tươi | không | em dâu | | | | | nt | | | |
| 11.18 | Khúc Hoài Anh | không | em rể | | | | | nt | | | |